

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ



LÊ THỊ ÁNH NGUYỆT

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM SOÁT NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ
NHẬP KHẨU CHO HỢP ĐỒNG GIA CÔNG TẠI CÔNG TY TNHH HYDRA
VIỆT NAM

Ngành: Quản trị kinh doanh

Mã số: 834 01 01

Người hướng dẫn: GS.TS. Nguyễn Trường Sơn

Đà Nẵng - 2024

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ-ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG



Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Nguyễn Trường Sơn

Phản biện 1: TS. Nguyễn Xuân Lãn

Phản biện 2: PGS.TS Hoàng Trọng Hùng

Đề án được bảo vệ trước Hội đồng chấm đề án tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị Kinh doanh hợp
tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 14 tháng 09 năm 2024

Có thể tìm hiểu đề án tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề án

Việt Nam ngày càng thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài thông qua các chính sách thu hút đầu tư

Công ty TNHH Hydra Việt Nam là một doanh nghiệp FDI với 100% vốn đầu tư nước ngoài. Công ty hoạt động trong lĩnh vực gia công xuất khẩu mặt hàng tụ điện. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng trăm tỷ đồng/năm

Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho HĐGC là đối tượng miễn thuế với điều kiện công ty phải đáp ứng các yêu cầu về quản lý theo quy định

Công ty đã chịu mức truy thu thuế và phạt hành chính gần 700 triệu đồng. Việc hoàn thiện quy trình kiểm soát nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho HĐGC sẽ giúp công ty tránh những rủi ro pháp lý tương tự

Với những lí do này, tác giả chọn đề tài: ***Hoàn thiện quy trình kiểm soát nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho hợp đồng gia công tại Công ty TNHH Hydra Việt Nam.***

2. Mục tiêu của đề án

- Phân tích thực trạng quy trình kiểm soát nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho hợp đồng gia công tại Công ty TNHH Hydra
- Đề xuất giải pháp, đưa ra kiến nghị nhằm hoàn thiện quy trình kiểm soát NL, VT nhập khẩu cho HĐGC tại Công ty TNHH Hydra Việt Nam.
- Giúp Công ty tránh bị truy thu thuế và các khoản phạt hành chính trong lĩnh vực hải quan

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề án

- Đối tượng nghiên cứu: quy trình kiểm soát nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho hợp đồng gia công.
- Phạm vi nghiên cứu: nghiên cứu được thực hiện tại Công ty TNHH Hydra Việt Nam
- Thời gian tiến hành: từ tháng 02/2024 đến tháng 07/2024

4. Phương pháp tiếp cận

Thu thập thông tin > Phân tích dữ liệu > Rút ra kết luận

5. Bố cục của đề án

Ngoài phần mục lục, mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của đề án được kết cấu gồm 3 chương

- Chương 1. Cơ sở lý thuyết và thực tiễn
- Chương 2. Thực trạng
- Chương 3. Giải pháp

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ THỰC TIỄN KIỂM SOÁT NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ NHẬP KHẨU CHO HỢP ĐỒNG GIA CÔNG TẠI DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

1.1. Kiểm soát và quy trình kiểm soát

1.1.1. Kiểm soát

1.1.1.1. Khái niệm kiểm soát

Kiểm soát một chức năng của quản lý > là quá trình đo lường, giám sát, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động nhằm đảm bảo thực hiện theo kế hoạch.

1.1.1.2. Tầm quan trọng kiểm soát

- Giúp hệ thống theo sát và đối phó với sự thay đổi của môi trường
- Ngăn chặn các sai phạm có thể xảy ra trong quá trình quản lý
- Đảm bảo thực thi quyền lực của các nhà quản lý
- Hoàn thiện các quyết định quản lý
- Giảm thiểu chi phí

1.1.1.3. Đặc điểm kiểm soát

- **Tính quyền lực:** Các quyết định bắt buộc thực hiện đối với các đối tượng bị kiểm soát; có thể yêu cầu thẩm quyền giải quyết và truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với các hoạt động vi phạm.

- **Có tính mục đích:** tìm kiếm những giải pháp phòng ngừa, hạn chế và xử lý những vi phạm xảy ra trong quá trình quản lý.

- **Gắn liền với một chủ thể nhất định:** Ai kiểm soát ai? Cá nhân/tổ chức nào có quyền và trách nhiệm thực hiện việc theo dõi, xem xét và nhận định một hoạt động nào đó đúng hay sai so với quy định?

- **Gắn liền với đối tượng cụ thể:** Kiểm soát ai? Kiểm soát cái gì? Và trong hoạt động kiểm soát thì đối tượng và chủ thể cần đồng nhất với nhau.

1.1.1.4. Nguyên tắc trong kiểm soát

- Nguyên tắc về phản ánh kế hoạch
- Nguyên tắc phòng ngừa
- Nguyên tắc trách nhiệm
- Nguyên tắc ngoại lệ
- Nguyên tắc đối với các điểm trọng yếu
- Nguyên tắc của kim tự tháp

1.1.1.5. Phương pháp và hình thức kiểm soát

a. Hình thức kiểm soát:

• **Xét theo cấp độ của hệ thống kiểm soát sẽ có 3 hình thức:** Kiểm soát chiến lược; Kiểm soát tác nghiệp; Kiểm soát đồng bộ

- **Xét theo quá trình hoạt động:** Kiểm soát trước hoạt động; Kiểm soát trong hoạt động; Kiểm soát kết quả

- **Xét theo phạm vi, quy mô của tổ chức** bao gồm: kiểm soát toàn diện các mục tiêu, kết hoạch của tổ chức một cách tổng thể; Kiểm soát bộ phận; Kiểm soát cá nhân.

- **Xét theo tần suất của quá trình hoạt động** có 3 hình thức: định kỳ, đột xuất và thường xuyên.

b. Phương pháp kiểm soát:

- Thu thập thông tin
- Nghiên cứu hồ sơ tài liệu và các giấy tờ liên quan
- Nghiên cứu văn bản pháp luật
- Tham vấn ý kiến của các nhà chuyên môn
- Thu thập ý kiến từ cá nhân, cơ quan, tổ chức
- Tạo điều kiện, chỉ rõ những lợi ích để đối tượng kiểm soát trình bày, báo cáo đầy đủ, trung thực vụ việc.

- Xử lý kịp thời, đúng pháp luật những hành vi gây cản trở đến hoạt động kiểm soát.

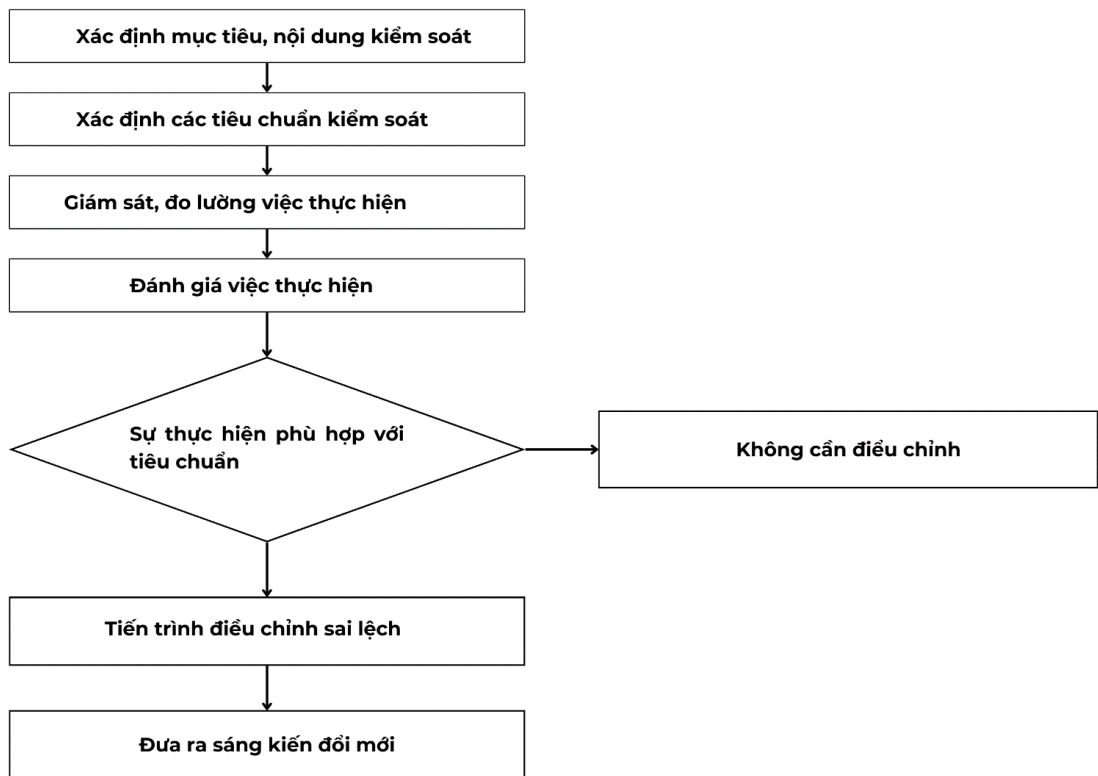
1.1.1.6. Các công cụ kiểm soát

- **Các công cụ kiểm soát chung**
 - Dữ liệu thống kê như phiếu kiểm tra, các biểu đồ thống kê...
 - Ngân quỹ
 - Bảng điểm cân bằng
- **Các công cụ kiểm soát theo hoạt động:**
 - Công cụ kiểm soát thời gian: Sử dụng các kỹ thuật:
 - Sơ đồ ngang (Gantt bar chart);
 - Kỹ thuật sơ đồ PERT – đường găng
 - Công cụ kiểm soát chất lượng:
 - Sơ đồ lưu trình; Phiếu kiểm tra; Biểu đồ Pareto; Biểu đồ nhân quả hay còn gọi là biểu đồ xương cá; Biểu đồ phân tán; Biểu đồ phân bố; Biểu đồ kiểm soát
- **Công cụ kiểm soát lập ngân quỹ theo chương trình mục tiêu (PPB)**
- **Các báo cáo và phân tích chuyên môn**

1.1.2. Quy trình kiểm soát

1.1.2.1. Khái niệm quy trình kiểm soát

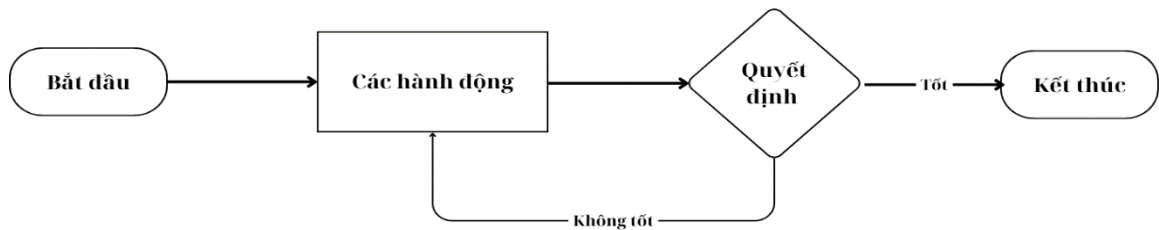
Kiểm soát không phải một hoạt động riêng lẻ mà là một quá trình gồm chuỗi các hoạt động và có thể chia thành các nhóm và các hoạt động cụ thể. Quy trình kiểm soát bao gồm các hoạt động sau:



Hình 1.2. Quy trình kiểm soát


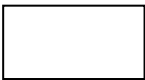
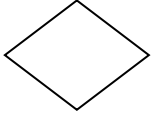
1.1.2.2. Lưu đồ - Flowchart

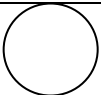



Flowchart hay còn gọi là lưu đồ - sơ đồ quy trình là hình ảnh mô tả thứ tự các bước cần thực hiện qua những sơ đồ khối và những ký hiệu nhất định.



Hình 1.3. Sơ đồ lưu trình tổng quát

Bảng 1.1. Mô tả các hình khối và ký hiệu trong lưu đồ tổng quát:

Hình khối	Mô tả
	Điểm bắt đầu, kết thúc quá trình: hình ovan.
	Mỗi bước hoạt động trong quá trình: hình chữ nhật.
	Điểm cần phải đưa ra quyết định: hình thoi.

	<i>Liên kết tới một trang khác hay một lưu đồ khác: hình tròn</i>
	<i>Chỉ mối quan hệ giữa các bước: là các mũi tên nối các ký hiệu, hình khối.</i>
	<i>Tài liệu</i>
	<i>Trễ hạn hoặc chờ đợi</i>

1.2. Tổng quan về nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho hợp đồng gia công

1.2.1. Một số khái niệm chung

1.2.1.1. Nguyên liệu, vật tư

- Là yếu tố đầu vào của sản xuất
- Được chia làm 3 loại: Vật liệu, nguyên liệu thô, nhiên liệu
- Theo nguồn gốc: Nguyên liệu tự nhiên, nguyên liệu nhân tạo
- Theo trạng thái: Rắn, Lỏng, Khí

Tham gia vào quá trình sản xuất ở các công đoạn với số lượng khác nhau, toàn bộ giá trị của nguyên vật liệu đều sẽ kết tinh vào giá trị sản phẩm

1.2.1.2. Nhập khẩu

Nhập khẩu là việc hàng hóa được đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ nước ngoài hoặc từ khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định của pháp luật.

1.2.1.3. Gia công xuất khẩu

Gia công là hoạt động thương mại giữa bên nhận gia công - bên đặt gia công Gia công quốc tế là phương thức hợp tác sản xuất và trao đổi hàng hóa giữa các nước. Nước nhận gia công nhận nguyên liệu hoặc nhiên liệu và có thể cả thiết bị, máy móc của nước thuê gia công để sản xuất ra những thành phẩm theo các tiêu chuẩn cụ thể và giao những thành phẩm đó cho nước thuê gia công.

Khi doanh nghiệp nội địa nhận gia công cho đối tác ở nước ngoài hoặc doanh nghiệp chế xuất thì đó được gọi là gia công xuất khẩu (hay còn gọi là gia công xuôi).

Phải có hợp đồng gia công

1.2.1.4. Khái niệm nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho hợp đồng gia công

Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho hợp đồng gia công: Toàn bộ hàng hóa được đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ nước ngoài hoặc từ khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực Hải quan riêng theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện hoạt động gia công xuất khẩu và được thể hiện cụ thể trên hợp đồng gia công.

Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho hợp đồng gia công sẽ được kết tinh vào sản phẩm gia

công xuất khẩu thông qua quá trình sản xuất; chỉ được lưu giữ tạm thời tại Việt Nam trong thời gian HĐGC

1.2.2. Chính sách pháp luật đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho hợp đồng gia công

1.2.2.1. Chính sách thuế đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho hợp đồng gia công

a. Chính sách thuế nhập khẩu

Miễn thuế nhập khẩu

b. Chính sách thuế giá trị gia tăng (GTGT):

Miễn thuế giá trị gia tăng

1.2.2.2. Điều kiện miễn thuế đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho hợp đồng gia công

- Thực hiện thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị và sản phẩm xuất khẩu.

- Doanh nghiệp có hợp đồng gia công theo quy định của Điều 39 Nghị định 69/2018/NĐ-CP và được đăng ký lên hệ thống Hải quan.

- Khi thực hiện tờ khai nhập khẩu, người nộp thuế kê khai trên tờ khai Hải quan các thông tin về số, ngày hợp đồng gia công, tên đối tác thuê gia công.

- Quản lý sử dụng đúng mục đích kê khai. Xây dựng báo cáo quyết toán theo quy định

1.2.2.3. Chế tài xử phạt

Bảng 1.2. Hình thức xử phạt đối với vi phạm trong lĩnh vực gia công

Hình thức xử phạt	Vi phạm	Điều khoản áp dụng
Phạt 2.000.000 – 5.000.0000	Không nộp báo cáo quyết toán, báo cáo tình hình sử dụng hàng hóa miễn thuế đúng thời hạn quy định;	Khoản 3 điều 7
	Không xử lý đúng thời hạn quy định đối với nguyên liệu, vật tư dư thừa, phế liệu, phế phẩm, máy móc, thiết bị thuê, mượn và sản phẩm gia công khi hợp đồng gia công kết thúc hoặc hết hiệu lực;	
	Thông báo bổ sung thông tin không đúng thời hạn quy định khi có sự thay đổi cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu;	
	Thông báo hợp đồng gia công lại, phụ lục hợp đồng gia công lại không đúng thời hạn quy định;	
	Thông báo định mức thực tế của lượng sản phẩm đã sản xuất không đúng thời hạn quy định.	
Phạt 5.000.000 -	Khai báo và làm thủ tục sau khi chuyển tiêu thụ nội địa hoặc thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế,	Khoản 4 điều 7

Hình thức xử phạt	Vi phạm	Điều khoản áp dụng
7.000.000	miễn thuế, xét miễn thuế, hoàn thuế, không thu thuế, hàng áp dụng thuế suất theo hạn ngạch thuế quan nhưng trước thời điểm quyết định kiểm tra, thanh tra.	
Nộp đủ số tiền thuế thiếu; số tiền thuế đã được miễn, giảm, hoàn, không thu không đúng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này, đồng thời phạt thêm 10% - 20% tương ứng.	Vi phạm quy định về quản lý nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm gia công, sản xuất xuất khẩu, chế xuất dẫn đến hàng hóa thực tế tồn kho thiếu so với chứng từ kế toán, sổ kế toán, hồ sơ Hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu mà không thuộc trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e và điểm g khoản 1 Điều 14 Nghị định này; Vi phạm quy định quản lý hàng hóa trong Kho bảo thuế dẫn đến hàng hóa thực tế tồn kho thiếu so với chứng từ, sổ sách kế toán, hồ sơ Hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 14 Nghị định này;	Điều 9
	Lập báo cáo quyết toán về lượng nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu đã sử dụng để sản xuất không đúng với thực tế sử dụng để sản xuất sản phẩm gia công, sản phẩm xuất khẩu;	
	Khai báo hàng hóa nhập khẩu theo loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu nhưng không có cơ sở sản xuất hàng gia công, cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; hoặc không có máy móc, thiết bị thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tại cơ sở sản xuất phù hợp với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu.	
	Thực hiện tiêu hủy phế liệu, phế phẩm từ hoạt động gia công, sản xuất hàng xuất khẩu, hoạt động của doanh nghiệp chế xuất mà không thông báo với cơ quan Hải quan;	
	Đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đến cơ sở khác gia công lại hoặc đến cơ sở, nơi lưu giữ khác với địa điểm ban đầu đã thông báo với cơ quan Hải quan để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu mà không thông báo cho cơ quan Hải quan;	

1.3. Ý nghĩa thực tiễn của việc hoàn thiện quy trình kiểm soát nguyên liệu, vật tư đối với doanh nghiệp

1.3.1. Kiểm soát nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho hợp đồng gia công

1.3.1.1. Kiểm soát thủ tục thực hiện theo quy định pháp luật

Bảng 1.3. Danh mục thủ tục hải quan đối với doanh nghiệp gia công xuất khẩu

STT	Tên thủ tục	Điều khoản hướng dẫn
1	Thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu	Điều 56 thông tư 38/2015/TT-BTC, sửa đổi bởi thông tư 39/2018/TT-BTC
2	Thông báo hợp đồng, phụ lục hợp đồng gia công	Điều 56 thông tư 38/2015/TT-BTC, sửa đổi bởi thông tư 39/2018/TT-BTC
3	Khai báo NL, VT nhập khẩu theo loại hình gia công	Điều 61 thông tư 38/2015/TT-BTC, sửa đổi bởi thông tư 39/2018/TT-BTC
4	Báo cáo quyết toán	Điều 60 thông tư 38/2015/TT-BTC, sửa đổi bởi thông tư 39/2018/TT-BTC

1.3.2.2. Kiểm soát quá trình

- Kiểm soát luồng dịch chuyển của nguyên liệu, vật tư trong sản xuất
- Kiểm soát quá trình nhập dữ liệu, ghi chép sổ sách, bao gồm:
 - Số liệu nhập khẩu trong kỳ
 - Lượng NL, VT chuyển giao giữa các hợp đồng.
 - Lượng NL, VT nhập kho trở lại từ sản xuất.
 - Lượng NL, VT chuyển mục đích sản xuất, tiêu thụ nội địa, tiêu hủy.
 - Lượng NL, VT xuất Kho để sản xuất
 - Lượng NL, VT xuất Kho khác
 - Lượng TP nhập kho từ sản xuất
 - Sản phẩm gia công lại nhập kho trong kỳ
 - Sản phẩm đã xuất khẩu nhưng bị khách hàng trả lại
 - Lượng TP chuyển tiêu thụ nội địa, tiêu hủy
 - Lượng TP xuất khẩu
 - Lượng SP xuất Kho khác

1.3.2. Ý nghĩa thực tiễn

Số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực gia công, sản xuất xuất khẩu: năm 2014: 4.600 doanh nghiệp; năm 2017: 8.200; năm 2022: gần 10.200

6 tháng đầu năm 2014, Chi cục KTSTQ đã thực hiện trên 100 vụ việc KTSTQ, ban hành 87 quyết định ấn định thuế, tổng số thuế phải truy trên 63 tỷ đồng. Số vụ vi phạm trong lĩnh vực gia công, sản xuất xuất khẩu ước tính chiếm khoảng 1/3 tổng số vụ đã kiểm tra.

Năm 2016 và 2017, số tiền thực thu từ kiểm tra sau thông quan loại hình gia công, sản xuất

xuất khẩu lần lượt là 392 tỷ đồng (chiếm 15%) và 797 tỷ đồng (tăng 203% so với năm 2016)

Nguyên nhân: sai lệch số liệu giữa các bộ phận: bộ phận Kho - bộ phận XNK và bộ phận kế toán - kiểm toán. Hoạt động điều phối hoạt động giữa các bộ phận có số liệu liên quan trực tiếp đến báo cáo quyết toán chưa được quan tâm đúng mức. Bên cạnh đó, hoạt động chia sẻ thông tin, đối chiếu số liệu, kiểm kê số liệu xuất nhập tồn giữa chứng từ trên sổ sách với số liệu thực tế trên hệ thống theo dõi của doanh nghiệp và số liệu khai báo lên hệ thống Hải quan VNACCS/VCIS chưa được đồng bộ - nhận định từ Tổng Cục Hải quan.

Các bộ phận kho, kế toán thường không theo dõi chi tiết tách biệt nguyên phụ liệu theo nguồn: miễn thuế, chịu thuế, mua có hóa đơn VAT; từ đó dẫn đến việc sử dụng nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu miễn thuế sai mục đích.

Doanh nghiệp chưa quan tâm đến chuẩn hóa thông tin

Doanh nghiệp chưa nắm chắc các quy định liên quan

➤ Lỗi sai lệch trong quá trình xây dựng và đối chiếu số liệu nhập - xuất - tồn thường gặp tại doanh nghiệp, như: Doanh nghiệp không phân loại được nguồn nguyên phụ liệu, các bộ phận không chia sẻ thông tin để kiểm tra và tính định mức thực tế chính xác; sự sai lệch trong quá trình tổng hợp số liệu ở từng bộ phận (XNK, kho, kế toán...) và giữa các bộ phận, giữa doanh nghiệp với cơ quan Hải quan...

Qua đó, tác giả mong muốn qua đề án này có thể giúp doanh nghiệp nhìn tổng quan, rõ ràng những phòng ban liên quan, vai trò và mối quan hệ giữa các phòng ban này trong kiểm soát NL, VT nhập khẩu cho hợp đồng gia công. Từ đó doanh nghiệp có cơ sở xây dựng hệ thống quy trình quản lý hiệu quả hơn, kiểm soát chặt chẽ để không bị truy thu thuế, phạt do vi phạm cũng như nâng cao uy tín doanh nghiệp...

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Mục tiêu của kiểm soát nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho hợp đồng gia công là đảm bảo chênh lệch tồn kho thực tế so với tồn kho sổ sách là nhỏ nhất, hướng đến giá trị bằng không. > Kiểm soát nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho hợp đồng gia công trong phạm vi đề án, là kiểm soát chúng trong dòng dịch chuyển, từ khâu nhập khẩu, lưu kho, kết tinh vào thành phẩm xuất khẩu và tiêu hủy...

Đây là cơ sở để đánh giá được thực trạng hoạt động kiểm soát nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho gia công tại Công ty TNHH Hydra Việt Nam sẽ nêu ở chương 2 và xây dựng giải pháp ở chương 3.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ NHẬP KHẨU CHO HỢP ĐỒNG GIA CÔNG TẠI CÔNG TY TNHH HYDRA VIỆT NAM

2.1. Giới thiệu chung về công ty TNHH Hydra Việt Nam

2.1.1. Thông tin chung

- Tên Công ty: Công ty TNHH Hydra Việt Nam
- Địa chỉ: KCN Điện Nam – Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam.
- Đại diện pháp luật tại Công ty Hydra Việt Nam: Ông Petr Jansa

* Thông tin về chủ sở hữu

- Tên tổ chức: Công ty Hydra a.s.
- Trụ sở chính: Prumyslova 1110, 50601 Jicin, Cộng hòa Séc
- Logo Công ty:

2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty

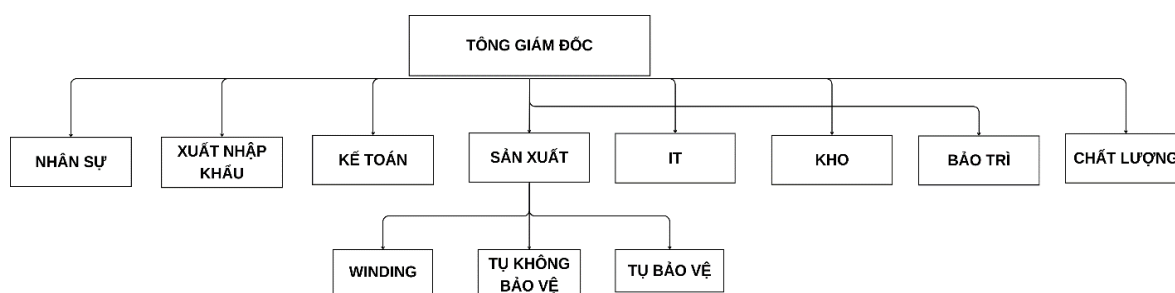
- 1899 : Hydra được thành lập ban đầu với tên: Elektrizitäts-Aktiengesellschaft Hydrawerk thông qua việc mua lại Hydrawerke Krayn và Koenig.
- 1922 -2011 : Trải qua nhiều giai đoạn sáp nhập, cải tiến, đổi tên
- 2012 : Bắt đầu xây dựng một cơ sở sản xuất mới tại Việt Nam
- 2014 : Nhà máy tại Việt Nam bắt đầu đưa vào vận hành

2.1.3. Tầm nhìn và sứ mệnh

Sứ mệnh: “Sứ mệnh của chúng tôi là sản xuất ra những tụ điện chất lượng cao nhất, đáp ứng nhu cầu của khách hàng trên khắp thế giới”

Tầm nhìn: Trở thành một trong những nhà cung cấp tụ điện hàng đầu, lấy chất lượng làm cốt lõi.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức



Hình 2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức

2.1.5. Các nguồn lực chính của Công ty

a. Nguồn nhân lực:

Bảng 2.1. Nguồn nhân lực của Công ty TNHH Hydra Việt Nam

STT	Phòng ban	Số lượng	Giới tính		Trình độ		
			Nam	Nữ	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học + sau đại học
1.	Giám đốc	1	1				1
2.	Phòng nhân sự	2		2			2
3.	Phòng kế toán	3	1	2		1	2
4.	Phòng sản xuất	5	1	4			5
5.	Phòng IT	1	1				1
6.	Phòng bảo trì	5	5			1	4
7.	Phòng XNK	2		2			2
8.	Phòng QC	5	3	2		1	4
9.	Công nhân	92	37	55	25	8	3

b. Nguồn vật lực

Bảng 2.2. Nguồn vật lực của Công ty TNHH Hydra Việt Nam

STT	Cơ sở vật chất	Đơn vị tính	Số lượng
1	Trụ sở	Văn phòng	1
2	Kho	Nhà	1
3	Xe nâng	Xe	3
4	Laptop	Cái	2
5	Máy tính	Cái	22
6	Điều hòa	Cái	21
7	Máy móc, thiết bị	Cái	82
8	Máy in, photo	Cái	5
9	Phần mềm Sản xuất HYD-PRO	Hệ thống	1
10	Phần mềm quản lý Kho BRAVO	Hệ thống	1
11	Phần mềm khai báo Hải quan điện tử	Đơn vị	1

2.2. Thực trạng kiểm soát nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho hợp đồng gia công tại công ty TNHH Hydra Việt Nam.**2.2.1. Nguyên liệu, vật tư nhập khẩu của Công ty TNHH Hydra Việt Nam**

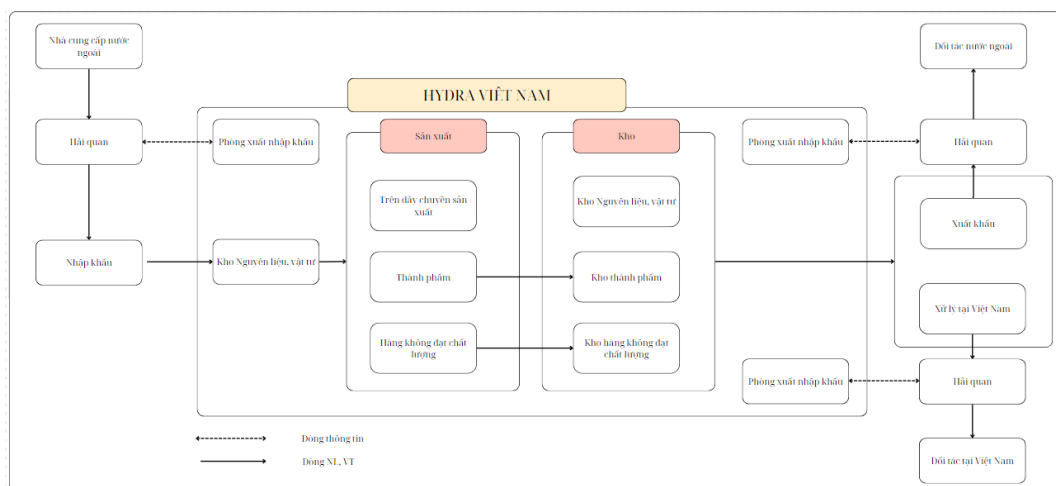
Các nhà cung cấp nguyên liệu đa phần là những nhà sản xuất lớn của châu Âu, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Ấn Độ. Một số NL, VT được Công ty mẹ mua và chỉ định giao hàng từ doanh nghiệp Việt Nam

Các NL, VT này nếu nhập khẩu vào Việt Nam theo hình thức thương mại thông thường sẽ

áp dụng mức thuế suất nhập khẩu khá cao 7.8 % - 28% và thuế VAT 10%

Thông qua hoạt động gia công, các NL, VT này được áp dụng chính sách miễn thuế ngay từ khi khai báo nhập khẩu. Quy trình nhập khẩu, quản lý sử dụng cũng như hoạt động kiểm soát đối với chúng tại công ty TNHH Hydra Việt Nam là tương đồng.

2.2.2. Kiểm soát dòng dịch chuyển nguyên liệu, vật tư nhập khẩu của Công ty TNHH Hydra Việt Nam



Hình 2.2: Dòng dịch chuyển NL, VT nhập khẩu cho HDGC

Có 6 quy trình được tổng hợp như sau:

2.2.2.1. Kiểm soát dữ liệu nhập khẩu nguyên liệu, vật tư giữa bộ phận XNK và Kho

Mục tiêu: kiểm soát dữ liệu nhập khẩu khớp nhau giữa bộ phận XNK, kho, đồng thời đúng với số lượng, chủng loại nhận được theo thực tế.

Nguyên tắc kiểm soát: Công ty áp dụng nguyên tắc phòng ngừa

Phương pháp và hình thức kiểm soát: Kiểm soát tác nghiệp trong và sau quá trình với tần suất thường xuyên và định kỳ

2.2.2.2. Kiểm soát dòng dịch chuyển của NL, VT giữa Kho và sản xuất.

Mục tiêu: kiểm soát dữ liệu giao nhận khớp nhau giữa bộ phận kho, bộ phận sản xuất đồng thời đúng với số lượng, chủng loại giao nhận theo thực tế.

Nguyên tắc kiểm soát: Công ty áp dụng nguyên tắc phòng ngừa

Phương pháp và hình thức kiểm soát: Kiểm soát tác nghiệp trong và sau quá trình với tần suất thường xuyên và định kỳ hàng tháng

Công cụ kiểm soát: Phiếu kiểm tra, cụ thể là phiếu đề nghị xuất kho

2.2.2.3. Kiểm soát dòng dịch chuyển của NL, VT trong sản xuất.

Mục tiêu: Mục tiêu của quy trình kiểm soát này là kiểm soát nguyên liệu, vật tư sau khi đưa vào khu vực sản xuất sẽ được xử lý như thế nào, số lượng và tình trạng hàng hóa tại mỗi công đoạn.

Nguyên tắc kiểm soát: Nguyên tắc trách nhiệm được thể hiện khá rõ tại quy trình này, mỗi công đoạn sản xuất do một trưởng ca đảm nhận.

Phương pháp và hình thức kiểm soát: Kiểm soát tác nghiệp trong và sau quá trình với tần suất thường xuyên.

Công cụ kiểm soát: Phiếu kiểm tra, báo cáo sản xuất, báo cáo chất lượng.

STT	Năm	Khối lượng
1	2022	1,3 tấn
2	2023	1,1 tấn

(Nguồn: Công ty TNHH Hydra Việt Nam)

2.2.2.4. Kiểm soát xử lý hàng không đạt chất lượng

Mục tiêu: Mục tiêu của quy trình kiểm soát này là đảm bảo hàng không đạt chất lượng đều được xử lý đúng cách

Nguyên tắc kiểm soát: Công ty áp dụng nguyên tắc đảm bảo tính tuân thủ pháp luật trong việc xử lý hàng không đạt chất lượng.

Phương pháp và hình thức kiểm soát: Kiểm soát tác nghiệp trong quá trình với tần suất thường xuyên.

Công cụ kiểm soát: Phiếu kiểm tra, báo cáo thống kê

2.2.2.5. Kiểm soát xử lý hàng dư thừa sau khi kết thúc hợp đồng gia công

Mục tiêu: Mục tiêu của quy trình kiểm soát này là đảm bảo hàng dư thừa sau khi kết thúc HĐGC đều được xử lý đúng cách và đúng thời hạn.

Nguyên tắc kiểm soát: Công ty áp dụng nguyên tắc đảm bảo tính tuân thủ pháp luật trong việc xử lý hàng không đạt chất lượng.

Phương pháp và hình thức kiểm soát: Kiểm soát tác nghiệp trong quá trình với tần suất thường xuyên.

2.2.2.6. Kiểm soát lập báo cáo quyết toán và chênh lệch tồn kho

Mục tiêu: Mục tiêu của quy trình kiểm soát này là đảm bảo việc lập báo cáo quyết toán đúng quy định về hình thức và thời gian.

Nguyên tắc kiểm soát: Công ty áp dụng nguyên tắc đảm bảo tính tuân thủ pháp luật trong việc lập báo cáo quyết toán theo mẫu

Phương pháp và hình thức kiểm soát: Kiểm soát tác nghiệp trong quá trình với tần suất thường xuyên.

2.2.3. Đánh giá chung

2.2.3.1. Thành tựu

Quy trình rõ ràng Các quy trình được thực hiện một cách khoa học, chi tiết và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận

Tỷ lệ luồng vàng cao Điều này chứng tỏ việc khai báo hải quan của công ty chính xác và

minh bạch

Cập nhật thông tin Công ty luôn theo dõi và cập nhật các quy định pháp luật mới nhất

Cấu trúc tổ chức hợp lý Các bộ phận có sự phân công rõ ràng và phối hợp chặt chẽ.

2.2.3.2. Hạn chế

Bảng 2.5. Hạn chế của quy trình hiện tại

STT	Tên quy trình	Điểm hạn chế
01	Kiểm soát dòng dịch chuyển của NL, VT giữa Kho và Sản xuất.	Chưa có công cụ kiểm soát việc thực hiện đối chiếu giao nhận giữa trưởng ca và nhân viên kho
02	Kiểm soát dòng dịch chuyển của NL, VT trong sản xuất.	Thiếu công đoạn kiểm soát đối với NL, VT, sản phẩm hỏng trên chuyền: chú ghi nhận số liệu đầy đủ, quá trình bàn giao xử lý không rõ ràng
03	Kiểm soát tiêu hủy/bán hàng không đạt chất lượng	Thiếu kiểm soát phòng ngừa việc thực thi không đúng quy định
04	Kiểm soát xử lý hàng dư thừa sau khi kết thúc hợp đồng gia công	Chưa có công cụ để kiểm soát việc xử lý có hoàn thành đúng thời hạn hay không
05	Kiểm soát lập báo cáo quyết toán và chênh lệch tồn kho	Chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ Chưa tiến hành kiểm tra kết quả và đánh giá độ chênh lệch

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM SOÁT NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ NHẬP KHẨU CHO HỢP ĐỒNG GIA CÔNG TẠI CÔNG TY TNHH HYDRA VIỆT NAM

3.1. Cơ sở đề xuất giải pháp

3.1.1. Mục tiêu chiến lược của giải pháp

Thích nghi với những biến đổi của môi trường:

Phân bổ nguồn lực, tổ chức thực hiện các công việc một cách hiệu quả

Tạo sự nhất quán trong hoạt động của tổ chức

3.1.2. Tính ứng dụng và khả thi của giải pháp

Ý tưởng của tác giả là bổ sung các điểm kiểm soát trên quy trình hiện tại, bổ sung các công cụ hỗ trợ nhằm giúp giải pháp được thực thi một cách hiệu quả.

3.2. Cải tiến các quy trình kiểm soát

3.2.1. Kiểm soát dòng dịch chuyển của NL, VT từ Kho đến Sản xuất

3.2.2.1. Kiểm soát dòng dịch chuyển của NL, VT giữa Kho và Sản xuất.

Bổ sung dòng xác nhận trên phiếu xuất nguyên vật liệu

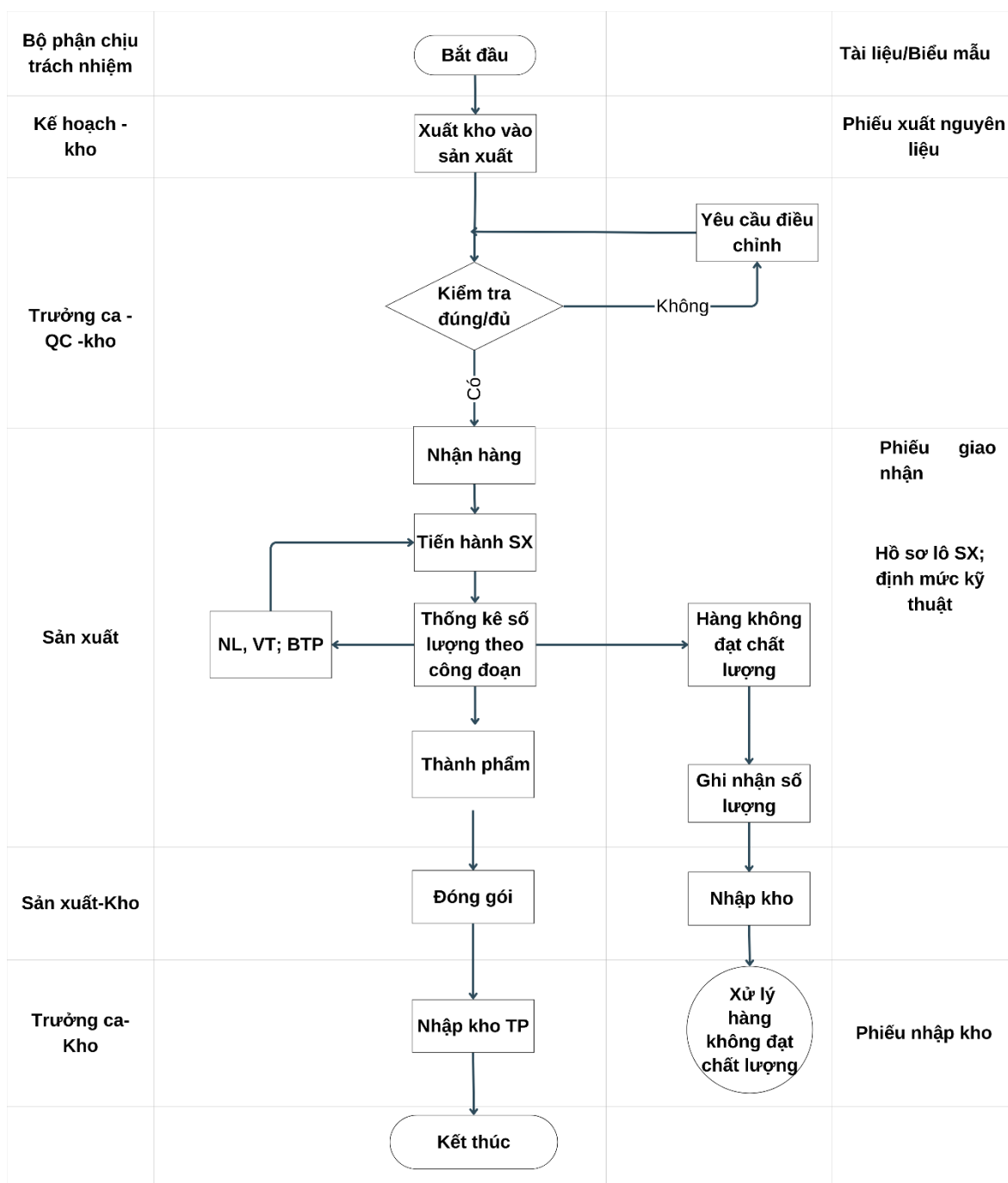
3.2.2.2. Kiểm soát dòng dịch chuyển của NL, VT trong sản xuất.

Thiết kế lại quy trình, yêu cầu trưởng ca sản xuất thực hiện thống kê số lượng theo công đoạn bao gồm cả hàng hư hỏng. Trưởng ca có trách nhiệm điền tất cả các dữ liệu lên phần mềm trước khi kết thúc ca làm việc.

Công cụ hỗ trợ: Thiết kế thêm modul theo dõi hàng không đạt chất lượng. Thông tin được cập nhật bao gồm mã hàng, số lô, chủng loại, số lượng hàng hư, tình trạng bàn giao Kho (chờ xử lý) ngày nào, quyết định hình thức xử lý, xử lý vào ngày nào kèm các số văn bản liên quan.

Thông tin được cập nhật trên phần mềm và có cài đặt điểm tới hạn để phát đi dòng cảnh báo

3.2.2.3. Thiết kế quy trình kiểm soát dòng dịch chuyển của NL, VT từ Kho đến sản xuất.



Hình 3.3. Quy trình kiểm soát dòng dịch chuyển NL, VT trong sản xuất

Bảng 3.1. Các điểm cần kiểm soát trong dòng dịch chuyển của NL, VT từ Kho đến sản xuất.

STT	Tên công đoạn	Tiêu chí
1	Xuất Kho vào Sản xuất	Đúng, đủ
2	Kiểm tra và điều chỉnh	Có thực hiện hay không
3	Thống kê số lượng theo công đoạn	Đúng, đủ
4	Đóng gói	Đúng số lượng, chủng loại
5	Ghi nhận số lượng hàng không đạt CL	Đúng số lượng, chủng loại
6	Nhập kho	Đúng số lượng, chủng loại

3.2.2. Kiểm soát xử lý hàng dư thừa sau khi kết thúc hợp đồng gia công

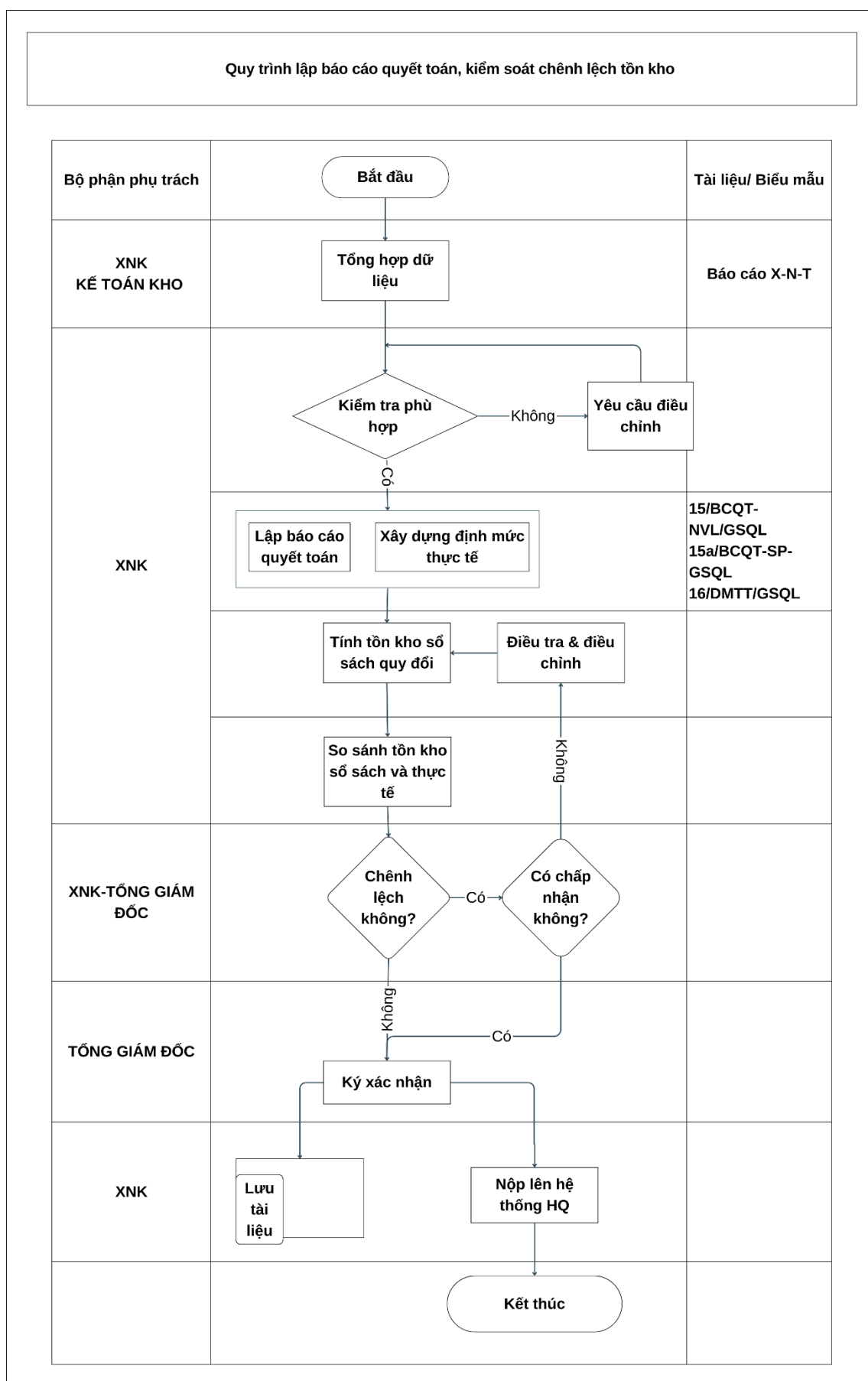
Đề xuất đặt thiết kế thêm một modul trên phần mềm HYD-PRO, nhằm bổ sung công đoạn nhập dữ liệu tồn kho cuối hợp đồng cần xử lý lên phần mềm. Cài đặt cảnh báo đỏ trước thời hạn xử lý 10 ngày. Đối với cột “ngày thực hiện” sẽ đặt điểm tới hạn là ngày 20 tháng 1 hàng năm, nếu ngày này chưa xử lý xong thì ô này tự động bôi đỏ. Khi mở phần mềm sẽ phát đi dòng cảnh báo.

3.2.3. Kiểm soát hàng tiêu hủy/bán tại Việt Nam

Đề xuất thiết lập nút kiểm soát tại khâu tạo phiếu xuất Kho hàng hủy. Quy định của Công ty là bất kể hàng hóa nào từ Công ty vận chuyển ra bên ngoài thì đều phải được bảo vệ kiểm tra trước khi đồng ý và ký vào biên bản xuất hàng. Đối với hàng hóa bàn giao cho Công ty môi trường thu gom hoặc bên mua phế liệu, trên phiếu này thể hiện dòng chữ “Đã qua giám sát Hải quan” và bộ phận XNK ký xác nhận thì bảo vệ mới cho hàng ra khỏi Công ty, nếu không thì sẽ buộc tạm dừng chờ xác minh.

3.2.4. Kiểm soát lập báo cáo quyết toán và chênh lệch tồn kho

Thiết kế lại quy trình như sau:



Ở quy trình này, mỗi bước của quy trình đều thiết lập các yêu cầu và tiêu chí mà nhân viên phải thực hiện

3.3. Các biện pháp giám sát thực hiện

Cần có biện pháp giám sát định kỳ hoặc thường xuyên và đột xuất nhằm ngăn ngừa, phát hiện kịp thời những sai sót, gian lận. Giám sát thường xuyên được thực hiện bởi trưởng ca sản xuất, giám sát định kỳ được thực hiện bởi Ban giám sát bằng cách định kỳ hàng quý rà soát dữ liệu. Ban hành các mức phạt theo hành vi. Ngoài ra, cần tổ chức các cuộc họp một cách thường xuyên và chính thống nhằm kiểm điểm, rút kinh nghiệm và cải tiến (nếu có).

Đề xuất khoản phụ cấp cho cán bộ nhân viên có phát sinh hoạt động kiểm soát

Bảng 3.3. Mức phạt đề xuất đối với hành vi vi phạm

STT	Tần suất	Mức phạt
1	Mắc lỗi lần đầu trong tháng	Cắt phụ cấp
2	Mắc lỗi lần thứ 2 trong năm	Hạ bậc thi đua
3	Lần thứ 3 trong năm	Không xét tăng lương trong năm đó
4	Lần thứ 4 trong năm	Buộc thôi việc
5	Nếu lỗi được phát hiện bởi Ban giám sát, trưởng ca/trưởng bộ phận sẽ cùng chịu phạt với công nhân viên	

Riêng đối với hành vi tự ý bàn giao/bán hàng ra ngoài mà không thông qua bộ phận XNK để được xử lý phù hợp, mức phạt sẽ là 1.000.000 VNĐ, lần vi phạm thứ 2 sẽ bị buộc thôi việc. Đối với các sáng kiến đổi mới sẽ được xét khen thưởng tùy vào mức đóng góp của sáng kiến cụ thể.

Đề xuất ban hành các quy định nội bộ hướng dẫn cho các quy trình sau khi tiêu chuẩn hóa.

3.4. Bố trí nguồn lực

Để thực hiện các biện pháp giám sát ở mục 3.3. kể trên thì Công ty cần bố trí nguồn lực tương ứng.

Nguồn nhân lực: Thành lập một Ban giám sát gồm thành viên của các bộ phận liên quan:

1/ Trưởng bộ phận XNK: 1 người-trưởng ban

2/ Nhân viên kế hoạch: 1 người-thành viên

3/ Kế toán kho: 1 người- thành viên

4/ Tổng có 25 công nhân viên có hoạt động phát sinh trong quy trình giám sát

Nguồn tài lực:

• Phụ cấp kiểm soát cố định:

- 100 nghìn/người đối với công nhân viên thuộc các bộ phận có thực hiện nghiệp vụ trong

lưu đồ

- 200 nghìn/tháng đối với thành viên ban giám sát

- 300 nghìn/tháng đối với trưởng ban giám sát

- Chi phí thiết kế thêm 2 modul phần mềm quản lý sản xuất

Tổng kinh phí hàng tháng như sau:

Bảng 3.4. Kinh phí dự kiến cho hoạt động

STT	Tên kinh phí	Số lượng	Số tiền (VNĐ)
1	Thiết lập thêm modul phần mềm quản lý sản xuất	2 modul	20.000.000 VNĐ cho việc nâng cấp 2000.000 VNĐ phí duy trì hàng năm
2	Phụ cấp công nhân viên	28 thành viên	3.200.000 VNĐ/tháng

KẾT LUẬN

Đề án hoàn thiện quy trình kiểm soát nguyên liệu và vật tư nhập khẩu tại Công ty TNHH Hydra Việt Nam thông qua việc chuẩn hóa quy trình hiện có. Quy trình mới sẽ đảm bảo việc ghi nhận chính xác số lượng, tình trạng nguyên liệu và vật tư tại từng công đoạn sau khi nhập khẩu, đồng thời thực hiện các thủ tục xử lý phù hợp với quy định pháp luật đối với hình thức gia công miễn thuế. Mục tiêu chính là chứng minh nguyên liệu và vật tư được sử dụng đúng mục đích cho quá trình sản xuất gia công, từ đó giảm thiểu rủi ro cho Công ty trước nguy cơ bị truy thu thuế hoặc bị phạt do thiếu thủ tục hoặc chênh lệch số liệu giữa thực tế và sổ sách.

Việc hoàn thiện quy trình kiểm soát không chỉ cung cấp cho Công ty các công cụ để kiểm soát tốt hơn mà còn giúp nâng cao tính chính xác và minh bạch trong quản lý nguyên liệu và vật tư. Thông qua việc áp dụng công nghệ thông tin và phần mềm quản lý phù hợp cũng tối ưu hóa quy trình kiểm soát dựa trên nguồn lực có sẵn và giảm thiểu những sai sót có thể xảy ra.

Đề án đã làm sáng tỏ cơ sở lý thuyết về kiểm soát, các đặc điểm nổi bật của nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho hợp đồng gia công đi kèm các chính sách pháp luật về thuế và quy định cũng như chế tài xử phạt. Qua đó, giúp doanh nghiệp hiểu rõ bản chất và tầm quan trọng cũng như những vấn đề chính của kiểm soát nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho hợp đồng gia công.

Ngoài ra, đề án còn phân tích được thực trạng của vấn đề kiểm soát tại Công ty TNHH Hydra Việt Nam, chỉ ra được những điểm chưa hoàn thiện của quy trình hiện tại.

Cuối cùng, dựa trên nguồn lực của Công ty, tác giả đã đi đến hoàn thiện quy trình kiểm soát hiện có một cách khả thi.

Tác giả hi vọng đề tài có thể đóng góp phần nào vào sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty TNHH Hydra Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực gia công xuất khẩu. Xin chân thành cảm ơn mọi ý kiến đóng góp để tác giả có thể tiếp tục hoàn thiện và cải tiến quy trình này.

Trân trọng!